| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 8 - 2023
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Kim Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Quang Trí

Ông Lê Minh Hòa

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: MA, WEIHONG, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số A, thôn Đ, đường G, thành phố L, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

Bị đơn: Trần Thiên N, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Số nhà A, ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 27 tháng 6 năm 2023 nguyên đơn MA, WEIHONG trình bày:

Về hôn nhân: Anh MA, WEIHONG và chị N kết hôn năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 06/01/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại Trung Quốc được một khoảng thời gian thì bắt đầu phát

sinh mâu thuẫn, do không cùng quan điểm sống, cãi vã thường xuyên. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hòa giải, để hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trở nên trầm trọng, đến giữa tháng 5/2020 chị N trở về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng ít liên lạc và không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đến tháng 7/2022 khi Chính phủ Trung Quốc cho phép công dân nước ngoài quay trở lại Trung Quốc thì anh MA, WEIHONG đã liên lạc, trao đổi với chị N về việc sang Trung Quốc để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N từ chối. Từ đó, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, anh MA, WEIHONG yêu cầu xin ly hôn với chị N.

Về nuôi con: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Văn bản đồng ý ly hôn ngày 04 tháng 8 năm 2023 bị đơn Trần Thiên N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N thống nhất với nội dung đơn khởi kiện anh MA, WEIHONG trình bày. Chị N đồng ý ly hôn với anh M, WEIHONG.

Về nuôi con, chia tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, văn bản ghi ý kiến của bị đơn, giấy chứng nhận kết hôn có cơ sở xác định đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài; bị đơn có địa chỉ tại Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Do các đương sự đã có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung nên việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh MA, WEIHONG và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/01/2020 phù hợp quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc tại Trung Quốc được một khoảng thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do không cùng quan điểm sống, cãi vã thường xuyên nhưng không hàn gắn tình cảm vợ chồng, từ đó mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trở nên trầm trọng. Đến tháng 5/2020 chị N trở về Việt Nam sinh sống cho đến nay, vợ chồng ít liên lạc, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy, vợ chồng không sống chung trong khoảng thời gian dài, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh M, WEIHONG xin ly hôn được chị N đồng ý là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con, chia tài sản, nợ chung: Anh MA, WEIHONG và chị N thống nhất xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh MA, WEIHONG và chị N không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh MA, WEIHONG phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 121 và 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh M, WEIHONG.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh M, WEIHONG và chị Trần Thiên N.

2. Về nuôi con: Không có.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh MA, WEIHONG phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0014204 ngày 12/7/2023 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp. Anh MA, WEIHONG đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Anh MA, WEIHONG được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAT;
- UBND huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT (M).

**(đã ký)**

**Huỳnh Kim Oanh**